PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH MỤC VTTB

(Đính kèm Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản ngày ..14.../..12.../2022)

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
A. Vật tư thiết bị thanh lý tại kho Công ty (I+II+III+IV)								
I. Dây cáp điện hư hỏng, mất phẩm chất, vụn lẻ không thể sử dụng được, ... (1+2+3)								
1. Kho: N00 - AGI_N00_Kho SXKD Công ty Điện lực An Giang K1								
1	3.15.42.240 .VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	8,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
2	3.15.42.300 .VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 300mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	7,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
3	3.15.56.825 .VIE.00.E1	Cáp đồng bọc 8x2,5mm2	Mét	Vietnam	Hàng dư thừa không thể sử	47,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
2. Kho: N01 - AGI_N01_Kho SXKD Công ty Điện lực An Giang K2								
1	3.15.42.240 .VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	3,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
2	3.15.42.300 .VIE.00.000	Cáp đồng bọc hạ thế CV 300mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	12,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
3	3.15.74.412 .VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x120mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	22,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
4	3.15.74.470 .VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV - ABC 0.6/1KV 4x70mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	3,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
5	3.15.74.495 .VIE.00.E1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm2	Mét	Vietnam	Hàng dư thừa không thể sử	7,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
6	3.15.90.833 .VIE.00.000	CÁP AX-WB 50	Mét	Vietnam	Hàng mới	74,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
7	3.15.96.057 .VIE.00.000	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACXH 50mm2	Mét	Vietnam	Hàng mới	14,10	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
3. Kho: N0Z - AGI_N0Z_Kho vật tư thu hồi Công ty Điện lực An Giang								
1	3.15.25.025 .000.00.D1	Cáp đồng trần xoắn C25mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	2,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
2	3.15.25.025 .VIE.00.D1	Cáp đồng trần xoắn C25mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	39,70	Thoái hóa, không sử dụng được	
3	3.15.27.186 .VIE.00.D1	Cáp nhôm trần A 185mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	55,00	Thoái hóa, không sử dụng được	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
4	3.15.28.050 .000.00.D1	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	299,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
5	3.15.28.050 .VIE.00.D1	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9.191,30	Thoái hóa, không sử dụng được	
6	3.15.28.070 .VIE.00.D1	Cáp nhôm trần lõi thép AC 70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	7.332,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
7	3.15.28.410 .VIE.00.D1	Cáp nhôm trần lõi thép AC 410/51mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	76,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
8	3.15.41.050 .VIE.00.D1	Cáp thép TK 50	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	55,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
9	3.15.42.006 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 6mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,80	Thoái hóa, không sử dụng được	
10	3.15.42.012 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 10mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,20	Thoái hóa, không sử dụng được	
11	3.15.42.013 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 11mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	18,47	Thoái hóa, không sử dụng được	
12	3.15.42.017 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,80	Thoái hóa, không sử dụng được	
13	3.15.42.026 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	270,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
14	3.15.42.036 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
15	3.15.42.051 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	238,20	Thoái hóa, không sử dụng được	
16	3.15.42.071 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	260,15	Thoái hóa, không sử dụng được	
17	3.15.42.096 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1.161,03	Thoái hóa, không sử dụng được	
18	3.15.42.101 .000.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 100mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	23,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
19	3.15.42.101 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 100mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9,90	Thoái hóa, không sử dụng được	
20	3.15.42.121 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	518,55	Thoái hóa, không sử dụng được	
21	3.15.42.151 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	321,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
22	3.15.42.186 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	23,20	Thoái hóa, không sử dụng được	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
23	3.15.42.199 .000.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 200mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	99,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
24	3.15.42.241 .000.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	35,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
25	3.15.42.241 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	246,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
26	3.15.44.205 .VIE.00.D1	Cáp duplex DuCV 2x6mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	136,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
27	3.15.44.217 .VIE.00.D1	Cáp duplex DuCV 2x16mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
28	3.15.44.218 .VIE.00.D1	Cáp duplex DuCV 2x10mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	86,10	Thoái hóa, không sử dụng được	
29	3.15.44.226 .VIE.00.D1	Cáp duplex DuCV 2x25mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
30	3.15.54.205 .VIE.00.D1	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	300,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
31	3.15.54.213 .VIE.00.D1	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x10mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	129,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
32	3.15.54.217 .VIE.00.D1	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,50	Thoái hóa, không sử dụng được	
33	3.15.54.418 .VIE.00.D1	Cáp điện kế Muller - (CVV)cáp3x16+1x10mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,30	Thoái hóa, không sử dụng được	
34	3.15.54.428 .VIE.00.D1	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	51,10	Thoái hóa, không sử dụng được	
35	3.15.56.045 .VIE.00.D1	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn đồng (CVV-Sc) 4x4mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	19,50	Thoái hóa, không sử dụng được	
36	3.15.56.405 .VIE.00.D1	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn nhôm (CVV-Sa) 4x4mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
37	3.15.56.424 .VIE.00.D1	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn nhôm (CVV-Sa) 4x2,5mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	68,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
38	3.15.58.034 .VIE.00.D1	Cáp điều khiển ruột đồng (CVV-Sc) 4x4mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	24,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
39	3.15.58.203 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc mềm CVV 2x2.5mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
40	3.15.60.036 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 35mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,30	Thoái hóa, không sử dụng được	
41	3.15.60.051 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5.467,73	Thoái hóa, không sử dụng được	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
42	3.15.60.071 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5.359,90	Thoái hóa, không sử dụng được	
43	3.15.60.096 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	600,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
44	3.15.62.211 .VIE.00.D1	Cáp duplex DuAV 2x10mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	11,60	Thoái hóa, không sử dụng được	
45	3.15.74.022 .VIE.00.D1	Các duplex nhôm 2x22mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
46	3.15.74.251 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	507,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
47	3.15.74.271 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	986,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
48	3.15.74.296 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1KV 2x95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	908,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
49	3.15.74.313 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x120mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	33,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
50	3.15.74.351 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	640,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
51	3.15.74.371 .000.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
52	3.15.74.396 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	249,90	Thoái hóa, không sử dụng được	
53	3.15.74.412 .VIE.00.D1	Cáp Nhôm Bọc vặn xoắn LV-ABC 4x120mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	435,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
54	3.15.74.417 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	223,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
55	3.15.74.451 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	406,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
56	3.15.74.471 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	630,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
57	3.15.82.026 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 25mm2 - Thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	330,82	Thoái hóa, không sử dụng được	
58	3.15.82.027 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc 24kV CXV(CR) 25mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	256,40	Thoái hóa, không sử dụng được	
59	3.15.82.055 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm2 - Thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	47,61	Thoái hóa, không sử dụng được	
60	3.15.82.071 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 70mm2 thu hồi	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,50	Thoái hóa, không sử dụng được	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
61	3.15.82.096 .VIE.00.D1	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	22,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
62	3.15.90.054 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc 24kV 240mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	80,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
63	3.15.96.051 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 50mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	759,76	Thoái hóa, không sử dụng được	
64	3.15.96.071 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 70mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	155,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
65	3.15.96.186 .VIE.00.D1	Cáp nhôm bọc lõi thép 24KV ACX(ACR) 185mm2	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	40,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
66	3.25.32.149 .000.00.D1	Cáp ngầm 1x500mm2	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1.620,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
67	3.25.32.150 .000.00.D1	Cáp ngầm 1x500mm	Mét	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	129,00	Thoái hóa, không sử dụng được	
68	3.15.28.150 .VIE.00.A8	Cáp nhôm trần lõi thép AC 150/24 mm2	Kg	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	35,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
69	3.15.28.184 .VIE.00.A8	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185/24mm2	Kg	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
70	3.15.42.016 .000.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm2	Mét	Không xác định	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	20,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
71	3.15.42.038 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 38mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	9,50	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
72	3.15.42.050 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	28,20	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
73	3.15.42.070 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,50	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
74	3.15.42.095 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	19,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
75	3.15.42.100 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 100mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	24,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
76	3.15.42.120 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	17,60	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
77	3.15.42.150 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	12,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
78	3.15.42.185 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
79	3.15.42.200 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc hạ thế CV 200mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
80	3.15.50.005 .VIE.00.A8	Cáp CU/PVC/PVC-S 4X2,5MM2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	7,20	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
81	3.15.54.216 .VIE.00.A8	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	10,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
82	3.15.54.225 .VIE.00.A8	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x25mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	14,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
83	3.15.56.728 .VIE.00.A8	Cáp Cu/PVC/PVC-S 2x2.5mm2-0.6/1kV	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	14,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
84	3.15.56.825 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc 8x2,5mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	94,40	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
85	3.15.60.120 .VIE.00.A8	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 120mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	3,60	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
86	3.15.74.470 .VIE.00.A8	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	13,50	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
87	3.15.82.050 .VIE.00.A8	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 50mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	32,10	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
88	3.15.96.240 .VIE.00.A8	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX(ACR) 240mm2	Mét	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	17,00	Vụn, lẻ nhiều đoạn	
II. Vật tư thiết bị thường phế liệu hư hỏng, mất phẩm chất, ... (Kho: N0Z - AGI_N0Z_Kho vật tư thu hồi Công ty Điện lực An Giang)								
1	2.42.01.000 .VIE.00.D1	Sắt phế liệu	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	7.448,37	Hư hỏng, phế liệu	
2	2.42.01.003 .VIE.00.D1	Thép các loại phế liệu	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9.443,30	Hư hỏng, phế liệu	
3	2.50.05.000 .VIE.00.D1	Cáp thép phế liệu	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	480,40	Hư hỏng, phế liệu	
4	2.71.00.000 .VIE.00.D1	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	82,80	Hư hỏng, phế liệu	
5	2.76.81.009 .VIE.00.D1	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	18,50	Hư hỏng, phế liệu	
6	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	20,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
7	3.06.40.709 .000.00.D1	Đà composite 75x75x6 810mm	Bộ	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
8	3.06.40.722 .VIE.00.D1	Đà composite 75x75x6 - 2000mm(XIT2)	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
9	3.06.40.723 .VIE.00.D1	Đà composite 75x75x6 - 2400MM(đa năng)	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	15,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
10	3.06.40.726 .VIE.00.D1	Đà Composite 6x75x75x2800MM	Cây	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
11	3.06.40.729 .VIE.00.D1	Đà composite 75x75x6x2000MM XIT1	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
12	3.06.40.730 .VIE.00.D1	Đà composite 75x75x6x800MM	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
13	3.06.40.752 .VIE.00.D1	Đà composite 75x75x6 - 810mm	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	12,00	Hư hỏng, phế liệu	
14	3.20.22.459 .000.00.D1	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50-95mm2	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, phế liệu	
15	3.20.22.495 .VIE.00.D1	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
16	3.20.22.935 .VIE.00.D1	Kẹp IPC 95/35mm2	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
17	3.20.22.957 .VIE.00.D1	Kẹp IPC 95/95	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	11,00	Hư hỏng, phế liệu	
18	3.20.22.972 .VIE.00.D1	Kẹp đồng	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	33,19	Hư hỏng, phế liệu	
19	3.20.22.973 .VIE.00.D1	Kẹp nhôm	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	356,17	Hư hỏng, phế liệu	
20	3.20.22.974 .000.00.D1	Kẹp đồng nhôm	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	8,10	Hư hỏng, phế liệu	
21	3.20.22.974 .VIE.00.D1	Kẹp đồng nhôm	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	93,60	Hư hỏng, phế liệu	
22	3.20.22.978 .000.00.D1	Kẹp đồng nhôm SL	Kg	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	129,42	Hư hỏng, phế liệu	
23	3.20.23.450 .VIE.00.D1	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
24	3.20.27.035 .CHN.00.D	Kẹp 02 rãnh đồng nhôm 35-240/35-300 (3botl)	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	53,00	Hư hỏng, phế liệu	
25	3.20.31.092 .VIE.00.D1	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1.207,00	Hư hỏng, phế liệu	
26	3.20.31.122 .VIE.00.D1	Kẹp nối bọc cách điện IPC 120-95 mm2	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
27	3.20.31.971 .VIE.00.D1	Kẹp 02 rãnh đồng nhôm 10-95/25-150 (1bolt)	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	48,00	Hư hỏng, phế liệu	
28	3.20.31.972 .VIE.00.D1	Kẹp 02 rãnh đồng nhôm 10-95/25-150 (2bolt)	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	68,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
29	3.20.94.010 .VIE.00.D1	Hộp phân phối	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	166,00	Hư hỏng, phế liệu	
30	3.20.94.632 .000.00.D1	Hộp phân phối (loại A) 6MCB 32A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
31	3.20.94.640 .VIE.00.D1	Hộp phân phối (loại A) 6MCB 40A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
32	3.20.94.663 .VIE.00.D1	Hộp phân phối (loại A) 6MCB 63A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	14,00	Hư hỏng, phế liệu	
33	3.20.94.940 .VIE.00.D1	Hộp phân phối (loại B) 9MCB 40A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
34	3.25.92.009 .000.00.D1	Hộp phân phối điện composite 9 cực	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	57,00	Hư hỏng, phế liệu	
35	3.30.22.000 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
36	3.30.22.002 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
37	3.30.22.100 .000.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
38	3.30.22.100 .USA.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	United States	Hàng đề nghị thanh lý	27,00	Hư hỏng, phế liệu	
39	3.30.22.100 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	108,00	Hư hỏng, phế liệu	
40	3.30.22.101 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	36,00	Hư hỏng, phế liệu	
41	3.30.22.500 .MEX.00.D	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Mexico	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
42	3.30.22.500 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	151,00	Hư hỏng, phế liệu	
43	3.30.22.628 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 200A Silicone	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
44	3.30.22.629 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 200A porcelain	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
45	3.30.80.001 .000.00.D1	Cần FCO 100A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
46	3.30.80.001 .VIE.00.D1	Cần FCO 100A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	49,00	Hư hỏng, phế liệu	
47	3.30.80.002 .VIE.00.D1	Cần FCO 200A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
48	3.30.80.101 .VIE.00.D1	Cần LBFCO 100A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	22,00	Hư hỏng, phế liệu	
49	3.30.80.102 .VIE.00.D1	Cần LBFCO 200A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	19,00	Hư hỏng, phế liệu	
50	3.30.88.100 .MEX.00.D	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Mexico	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
51	3.30.88.100 .USA.00.D1	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	United States	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
52	3.30.88.100 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	71,00	Hư hỏng, phế liệu	
53	3.30.88.101 .MEX.00.D	Cầu chì tự rơi (LBFCO) 15/27kV 100A polymer	Cái	Mexico	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
54	3.30.88.101 .VIE.00.D1	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	12,00	Hư hỏng, phế liệu	
55	3.30.88.202 .MEX.00.D	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27kV-200A Porcelain	Cái	Mexico	Hàng đề nghị thanh lý	16,00	Hư hỏng, phế liệu	
56	3.30.88.203 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi (LB FCO) 15/27KV 200A Polymer	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
57	3.30.88.209 .VIE.00.D1	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 27kV 200A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	20,00	Hư hỏng, phế liệu	
58	3.38.05.005 .VIE.00.D1	Cầu dao trần 1 chiều 2 pha 250v 60A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	23,00	Hư hỏng, phế liệu	
59	3.38.95.003 .VIE.00.D1	CẦU DAO HẠ THẾ	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	143,00	Hư hỏng, phế liệu	
60	3.42.05.600 .VIE.00.D1	Dao cách ly (DS) 1pha 24KV - 600A cách điện polymer	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
61	3.42.05.601 .USA.00.D1	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	United States	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
62	3.42.05.601 .VIE.00.D1	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
63	3.42.05.632 .000.00.D1	Dao cách ly 3 pha 24KV - 600A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	7,00	Hư hỏng, phế liệu	
64	3.42.26.376 .000.00.D1	LTD 1P 24KV 600A	Bộ	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
65	3.42.80.018 .000.00.D1	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
66	3.42.80.018 .CHN.00.D	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
67	3.42.80.018 .KOR.00.D	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, phế liệu	
68	3.42.80.018 .USA.00.D1	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	United States	Hàng đề nghị thanh lý	190,00	Hư hỏng, phế liệu	
69	3.42.80.018 .VIE.00.D1	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	584,00	Hư hỏng, phế liệu	
70	3.46.05.032 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
71	3.46.05.032 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	57,00	Hư hỏng, phế liệu	
72	3.46.05.040 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
73	3.46.05.063 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	14,00	Hư hỏng, phế liệu	
74	3.46.09.050 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 50A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
75	3.46.09.060 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 60A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
76	3.46.09.200 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 200A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
77	3.46.09.250 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 250A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
78	3.46.09.403 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 400A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
79	3.46.10.020 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	55,00	Hư hỏng, phế liệu	
80	3.46.10.020 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	79,00	Hư hỏng, phế liệu	
81	3.46.10.032 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
82	3.46.10.032 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
83	3.46.10.040 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
84	3.46.10.040 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	123,00	Hư hỏng, phế liệu	
85	3.46.10.040 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	105,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
86	3.46.10.050 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
87	3.46.10.063 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	46,00	Hư hỏng, phế liệu	
88	3.46.10.075 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 75A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
89	3.46.10.100 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 100A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
90	3.46.14.063 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
91	3.46.14.080 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	11,00	Hư hỏng, phế liệu	
92	3.46.15.050 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
93	3.46.15.050 .ITA.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	Italy	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
94	3.46.15.050 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
95	3.46.15.080 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
96	3.46.15.080 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
97	3.46.15.080 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
98	3.46.15.080 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, phế liệu	
99	3.46.15.100 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
100	3.46.15.100 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
101	3.46.15.100 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
102	3.46.15.100 .TUR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Turkey	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
103	3.46.15.100 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
104	3.46.15.101 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 1000A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
105	3.46.15.125 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
106	3.46.15.125 .JPN.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Japan	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
107	3.46.15.125 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
108	3.46.15.125 .TUR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Turkey	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
109	3.46.15.125 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
110	3.46.15.160 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
111	3.46.15.160 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
112	3.46.15.160 .TUR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Turkey	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
113	3.46.15.160 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
114	3.46.15.200 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
115	3.46.15.200 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	16,00	Hư hỏng, phế liệu	
116	3.46.15.200 .GER.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Germany	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
117	3.46.15.200 .ITA.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Italy	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
118	3.46.15.200 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
119	3.46.15.200 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
120	3.46.15.250 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
121	3.46.15.250 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	11,00	Hư hỏng, phế liệu	
122	3.46.15.250 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
123	3.46.15.250 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
124	3.46.15.300 .KOR.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 300A	Cái	Korea, South	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
125	3.46.15.400 .000.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
126	3.46.15.630 .VIE.00.D1	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
127	3.46.15.800 .CHN.00.D	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 800A	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
128	3.46.95.320 .000.00.D1	Áp-tô-mát (MCCB) 150A đến 320A	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
129	3.53.05.074 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 75/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
130	3.53.05.150 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
131	3.53.05.202 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 10VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	12,00	Hư hỏng, phế liệu	
132	3.53.05.250 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 10VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
133	3.53.05.325 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	22,00	Hư hỏng, phế liệu	
134	3.53.05.327 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
135	3.53.05.328 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
136	3.53.05.400 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
137	3.53.65.005 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24KV 5-10/5A epoxy vacuum	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
138	3.53.65.013 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, phế liệu	
139	3.53.65.015 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
140	3.53.65.019 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24KV 15-30/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	11,00	Hư hỏng, phế liệu	
141	3.53.65.021 .VIE.00.D1	Biến dòng điện đo lường 24KV - 20-40/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
142	3.53.65.030 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24 kV 25-50/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
143	3.53.65.058 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24kV 5-10/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	12,00	Hư hỏng, phế liệu	
144	3.53.65.142 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24kV 5-10/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
145	3.53.65.143 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
146	3.53.65.560 .VIE.00.D1	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
147	3.56.60.000 .VIE.00.D1	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
148	3.56.60.015 .VIE.00.D1	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
149	3.56.60.016 .VIE.00.D1	Biến điện áp TU 12000/120V	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	14,00	Hư hỏng, phế liệu	
150	3.56.60.032 .VIE.00.D1	Biến điện áp (TU 1P 12000/120V-15VA epoxy chân không	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	
151	3.56.60.056 .VIE.00.D1	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân kh	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
152	3.56.60.121 .VIE.00.D1	Biến điện áp (TU) 8400-12000/120V	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	7,00	Hư hỏng, phế liệu	
153	3.60.05.005 .VIE.00.D1	Điện kế 1P2W 5A 220V 1.0 - GT	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
154	3.60.05.020 .VIE.00.D1	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
155	3.60.05.617 .VIE.00.D1	Điện kế 1P2W 10-30A 220V	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
156	3.60.25.030 .VIE.00.D1	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
157	3.60.25.050 .VIE.00.D1	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
158	3.60.90.105 .VIE.00.D1	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	47,00	Hư hỏng, phế liệu	
159	3.60.90.109 .VIE.00.D1	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
160	3.62.95.000 .VIE.00.D1	Tủ điện PL	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4.764,00	Hư hỏng, phế liệu	
161	4.20.42.001 .VIE.00.D1	Tole	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	87,20	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
162	4.90.10.000 .000.00.D1	Nắp chụp (cực trên, dưới, MBA, LA) phế liệu	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	27,00	Hư hỏng, phế liệu	
163	4.90.21.096 .000.00.D1	Ống nhựa PVC các loại	Mét	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
164	4.90.31.000 .VIE.00.D1	Ống nhựa	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	115,60	Hư hỏng, phế liệu	
165	4.94.70.010 .VIE.00.D1	Ghế xoay	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
166	5.10.15.004 .000.00.D1	Vỏ ruột xe phế liệu	Bộ	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, phế liệu	
167	5.10.50.001 .000.00.D1	Vỏ XE ÔTÔ THU HỒI (HƯ , OSDĐ)	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	16,00	Hư hỏng, phế liệu	
168	5.10.50.001 .THA.00.D	Vỏ xe ô tô thu hồi	Cái	Thailand	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
169	5.20.00.001 .VIE.00.D1	Phụ tùng ô tô	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	80,70	Hư hỏng, phế liệu	
170	5.44.95.189 .000.00.D1	Switch các loại	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
171	8.25.41.001 .000.00.D1	Kéo cắt dây	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
172	8.25.53.002 .USA.00.D1	Ampere kìm trung thế	Cái	United States	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, phế liệu	
173	8.34.54.076 .000.00.D1	Kích xích căng dây 0.75 tấn	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
174	8.40.60.001 .VIE.00.D1	Nhựa các loại	Kg	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	413,30	Hư hỏng, phế liệu	
175	8.88.05.001 .000.00.D1	Máy nước nóng lạnh các loại	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
176	8.90.10.004 .USA.00.D1	Sào thao tác	Cây	United States	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
177	8.90.10.008 .000.00.D1	Sào tiếp địa lưu động trung thế	Bộ	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, phế liệu	
178	8.90.10.012 .000.00.D1	Bộ thử điện trung hạ áp đèn còi	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
179	8.90.20.000 .VIE.00.D1	Dây an toàn phế liệu	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, phế liệu	
180	8.90.20.011 .000.00.D1	Hộp bảo vệ chống té cao	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, phế liệu	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
181	8.90.20.017 .TPE.00.D1	Dây quàng trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Taiwan (Chinese	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
182	8.90.20.051 .VIE.00.D1	Dây quàng trụ 2 móc	Sợi	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	10,00	Hư hỏng, phế liệu	
183	8.90.90.005 .000.00.D1	Bình CO2 MT-5 - 5kg	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
184	8.90.90.008 .000.00.D1	Bình bột MFZ8 (8kg)	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
185	8.90.90.066 .CHN.00.D	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	China	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, phế liệu	
186	8.90.90.075 .CHN.00.D	Bình chữa cháy MT5	Bình	China	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
187	8.90.90.140 .CHN.00.D	Bình bột chữa cháy 4 kg	Cái	China	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, phế liệu	
188	3.15.56.764 .000.00.B10	Cáp điều khiển phế liệu các loại	Kg	Không xác định	Hàng thu hồi không thể sử	104,80	Hư hỏng, phế liệu	
189	3.60.05.004 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 5A 220V GT	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	129,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
190	3.60.05.005 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 5A 220V 1.0 - GT	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	516,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
191	3.60.05.007 .VIE.00.C6	Điện kế 1P 5(20) 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	2.214,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
192	3.60.05.008 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 5-15A 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	8.461,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
193	3.60.05.020 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	17.679,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
194	3.60.05.040 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 40-120A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	659,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
195	3.60.05.517 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 3-9 A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	86,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
196	3.60.05.610 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	850,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
197	3.60.05.617 .VIE.00.C6	Điện kế 1P2W 10-30A 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	6.777,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
198	3.60.25.030 .VIE.00.C6	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	289,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
199	3.60.25.050 .VIE.00.C6	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	453,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
200	3.60.35.005 .VIE.00.C6	Điện kế 3P4W 5A 220/380V GT	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi phục hồi được	807,00	Hư hỏng, sử dụng không hiệu quả	
III. Vật tư chất thải rắn phế liệu (Kho: N0Z - AGI_N0Z_Kho vật tư thu hồi Công ty Điện lực An Giang)								
1	3.10.08.001 .VIE.00.D1	Sứ chằng hạ áp	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	89,00	Hư hỏng, phế liệu	
2	3.10.08.002 .VIE.00.D1	Sứ ống chỉ 80mm	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2.256,00	Hư hỏng, phế liệu	
3	3.10.86.024 .VIE.00.D1	Sứ đứng 24kV	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1.554,00	Hư hỏng, phế liệu	
4	3.10.88.001 .VIE.00.D1	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	429,00	Hư hỏng, phế liệu	
5	3.10.88.011 .000.00.D1	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	57,00	Hư hỏng, phế liệu	
6	3.10.88.070 .000.00.D1	Sứ treo thủy tinh 70KN	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	201,00	Hư hỏng, phế liệu	
7	3.10.88.594 .VIE.00.D1	Sứ treo thủy tinh 120kN	Bộ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	34,00	Hư hỏng, phế liệu	
8	3.10.88.595 .000.00.D1	Sứ treo sành nâu P70BLX	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	7,00	Hư hỏng, phế liệu	
9	3.10.88.823 .VIE.00.D1	Cách điện treo Polymer 24kV 120kN	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, phế liệu	
10	3.10.88.824 .VIE.00.D1	Cách điện treo polymer 24KV	Cái	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	33,00	Hư hỏng, phế liệu	
11	3.70.85.035 .000.00.D1	Cách điện polymer 35kV - 70kN	Cái	Không xác định	Hàng đề nghị thanh lý	45,00	Hư hỏng, phế liệu	
IV. VTTB ứ đọng, chậm luân chuyển, không cần dùng, ... (1+2)								
1. Kho: N00 - AGI_N00_Kho SXKD Công ty Điện lực An Giang K1								
1	3.20.32.055 .AUS.00.00	Kẹp cáp thép TK 50 (loại 1 bulon)	Cái	Australia	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
2	3.20.32.055 .USA.00.00	Kẹp cáp thép TK 50 (loại 1 bulon)	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
3	3.20.60.410 .000.00.000	Khóa đỡ dây AC410 mm2	Cái	Không xác định	Hàng mới	9,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
4	3.20.65.001 .AUS.00.00	Khoen neo	Cái	Australia	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
5	3.20.65.529 .AUS.00.00	VIBARATION DAMPER TK 50	Cái	Australia	Hàng mới	2,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
6	3.20.80.388 .USA.00.00	Đầu cosse siết 500mm	Cái	United States	Hàng mới	2,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
7	3.20.83.035 .USA.00.00	Đầu cosse ép nhôm 35mm2	Cái	United States	Hàng mới	8,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
8	3.20.83.120 .USA.00.00	Đầu cosse ép nhôm 120mm2	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
9	3.20.83.400 .USA.00.00	Đầu cosse ép nhôm 400mm2	Cái	United States	Hàng mới	2,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
10	3.20.84.306 .USA.00.00	Đầu coss siết CU 300mm2	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
11	3.20.84.900 .USA.00.00	Đầu coss siết CU 1.000mm2	Cái	United States	Hàng mới	2,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
12	3.20.85.501 .USA.00.00	TERMINAL LUG 25,6MM	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
13	3.42.28.374 .AUS.00.00	Chuỗi cách điện 24kV (LTD 1P 36KV 800A)	Bộ	Australia	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
14	3.42.76.232 .USA.00.00	GAS FILL ADAPTOR	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
15	3.42.76.420 .USA.00.00	CONTACTOR W&B	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
16	3.42.76.430 .USA.00.00	BUSHING HARDRWARE	Cái	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
17	3.42.80.935 .USA.00.00	Chống sét van (LA) 42KV 10KA CLASS 2	Bộ	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
18	3.53.05.110 .VIE.00.000	Biến dòng điện (CT) 600V 50/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng mới	6,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
19	3.88.86.316 .USA.00.00	JUNCTION BOX	Cái	United States	Hàng mới	2,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
20	4.74.54.002 .USA.00.00	Slitbolt CU-AL 2/0	Con	United States	Hàng mới	1,00	Không phù hợp kỹ thuật, lạc hậu KDC	Tồn kho lâu năm
2. Kho: N0Z - AGI_N0Z_Kho vật tư thu hồi Công ty Điện lực An Giang								
1	3.06.20.728 .VIE.00.A8	Đà sắt V 75x75x8-2800MM (không ốp)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	24,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
2	3.06.20.746 .VIE.00.A8	Đà sắt L75x75x8-3000MM (3 ốp)	Cây	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
3	3.06.20.853 .VIE.00.A8	Đà sắt L75x75x8 - 3000mm	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
4	3.06.30.711 .VIE.00.A8	Đà sắt V 75x75x8 - 2800MM (3 ốp)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	71,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
5	3.06.30.736 .VIE.00.A8	Đà V75x75x6 - 2800MM	Cây	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	12,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
6	3.06.30.737 .VIE.00.A8	Đà V75x75x6 - 2800MM(3 ốp)	Cây	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	27,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
7	3.06.40.722 .VIE.00.A8	Đà composite 75x75x6 - 2000MM(XIT2)	Bộ	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	24,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
8	3.06.60.005 .VIE.00.A8	Bass sắt lắp FCO hoặc LA	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	126,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
9	3.06.60.240 .000.00.A8	Giá đỡ sứ cao 2,5m	Cái	Không xác định	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	6,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
10	3.10.92.213 .VIE.00.A8	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	99,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
11	3.20.31.086 .000.00.A8	Kẹp đỡ dây ACSR 410	Cái	Không xác định	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	6,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
12	3.38.05.005 .VIE.00.A8	Cầu dao trần 1 chiều 2 pha 250v 60A	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
13	3.42.26.809 .MEX.00.A	ALTD 1P 36kV 600A	Cái	Mexico	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	6,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
14	3.42.80.018 .USA.00.A8	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	United States	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	10,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
15	3.53.05.110 .VIE.00.A8	Biến dòng điện (CT) 600V 50/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	9,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
16	3.53.65.021 .VIE.00.A8	Biến dòng điện đo lường 24KV - 20-40/5A	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
17	3.53.65.120 .VIE.00.A8	Biến dòng điện (TI) 24KV 100-200/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
18	3.53.65.202 .VIE.00.A8	Biến dòng điện (TI) 24kV 200-400/5A (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	3,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
19	3.53.65.515 .VIE.00.A8	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	4,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
20	3.53.65.765 .VIE.00.A8	Biến dòng điện (TI) 24kV 100-200/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
21	3.56.60.087 .VIE.00.A8	Biến điện áp (TU) 8,66-12,7 / 0,12kV -1,2kVA	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
22	3.56.60.089 .VIE.00.A8	Biến điện áp TU 1 pha 12,7/0,24kV - 1KVA	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
23	3.56.90.006 .VIE.00.A8	TU cấp nguồn 1P 12,7/0,24Kv - 300VA	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
24	3.56.90.024 .VIE.00.A8	Biến điện áp (TU) 1P 12,7/0,24kV-500VA cho recloser	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	9,00	Lạc hậu kỹ thuật, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
25	3.60.05.005 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 5A 220V 1.0 - GT	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1.650,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
26	3.60.05.007 .VIE.00.A8	Điện kế 1P 5(20) 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	4.267,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
27	3.60.05.008 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 5-15A 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	7.469,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
28	3.60.05.015 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 5A -220V GT (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	16,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
29	3.60.05.016 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 5-15A 220V (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	33,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
30	3.60.05.020 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	9.912,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
31	3.60.05.040 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 40-120A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1.715,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
32	3.60.05.042 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 40-120A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	12,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
33	3.60.05.517 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 3-9 A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1.346,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
34	3.60.05.520 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 5-15A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	4.631,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
35	3.60.05.610 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1.150,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
36	3.60.05.617 .VIE.00.A8	Điện kế 1P2W 10-30A 220V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	4.294,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
37	3.60.25.021 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4W 20-40A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	75,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
38	3.60.25.030 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	654,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
39	3.60.25.032 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4D 30-60(A) 220/380V (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	9,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
40	3.60.25.050 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	987,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
41	3.60.25.052 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4D 50(100)A 220/380V (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	2,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
42	3.60.35.005 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4W 5A 220/380V GT	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1.038,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
43	3.60.35.006 .VIE.00.A8	Điện kế vô công 3P4W 5A 120/208V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	70,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
44	3.60.35.007 .VIE.00.A8	Điện kế hữu công 3P4W 5A 120/208V	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	47,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
45	3.60.35.009 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4D 5A 220/380V (ĐKĐ)	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
46	3.60.36.142 .000.00.A8	Điện kế 3P4W 5-10A 220/380V CCX1	Cái	Không xác định	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	31,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
47	3.60.36.142 .VIE.00.A8	Điện kế 3P4W 5-10A 220/380V CCX1	Cái	Vietnam	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	77,00	Thu hồi, không cần dùng	Tồn kho lâu năm
B. Vật tư thiết bị thanh lý tại kho các Điện lực (I+II+...+IX+X)								
I. Kho: N20 - AGI_N20_Kho thu hồi Điện lực Châu Đốc								
1	3.02.20.904 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.905 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	36,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	53,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	68,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
5	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	32,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
6	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
7	3.02.20.910 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 10-11 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
II. Kho: N21 - AGI_N21_Kho thu hồi Điện lực Thoại Sơn								
1	3.02.20.923 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.924 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
III. Kho: N22 - AGI_N22_Kho thu hồi Điện lực Chợ Mới								

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
1	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	7,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
5	3.02.20.995 .VIE.00.D1	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
6	3.02.20.996 .VIE.00.D1	TRU BT VUÔNG CẮT GỐC 7-8MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
IV. Kho: N23 - AGI_N23_Kho thu hồi Điện lực Tân Châu								
1	3.02.20.904 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.905 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	61,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
5	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	22,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
6	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
7	3.02.20.910 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 10-11 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
8	3.02.20.988 .VIE.00.D1	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	9,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
9	3.02.20.997 .VIE.00.D1	TRU BT VUÔNG CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
V. Kho: N24 - AGI_N24_Kho thu hồi Điện lực Châu Phú								
1	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.925 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
VI. Kho: N25 - AGI_N25_Kho thu hồi Điện lực Phú Tân								
1	3.02.20.087 .VIE.00.D1	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Nứt, lâu năm	
2	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	23,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
VII. Kho: N26 - AGI_N26_Kho thu hồi Điện lực Long Xuyên								
1	3.02.20.131 .VIE.00.D1	Trụ BTLT 12m	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Nứt, lâu năm	
2	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	26,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
5	3.02.20.922 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CắT GốC 4-5 MéT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
6	3.02.20.923 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	46,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
7	3.02.20.924 .VIE.00.D1	Trụ BTLT DUL CắT GốC 6-7 MéT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	44,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
VIII. Kho: N27 - AGI_N27_Kho thu hồi Điện lực Châu Thành								
1	3.02.20.087 .VIE.00.D1	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	5,00	Nứt, lâu năm	
2	3.02.20.131 .VIE.00.D1	Trụ BTLT 12m	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Nứt, lâu năm	
3	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
IX. Kho: N28 - AGI_N28_Kho thu hồi Điện lực Tri Tôn								
1	3.02.20.903 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 3-4 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
2	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư thiết bị	Đvt	Nơi SX	Chất lượng	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Ghi chú
3	3.02.20.917 .VIE.00.D1	Trụ BTLT cắt gốc 15-16 m	Cây	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
X. Kho: N29 - AGI_N29_Kho thu hồi Điện lực Tịnh Biên								
1	3.02.20.131 .VIE.00.D1	Trụ BTLT 12m	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	8,00	Nứt, lâu năm	
2	3.02.20.906 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
3	3.02.20.907 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	13,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
4	3.02.20.908 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	54,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
5	3.02.20.909 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
6	3.02.20.910 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 10-11 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	
7	3.02.20.911 .VIE.00.D1	Trụ BTLT CẮT GỐC 11-12 MÉT	Trụ	Vietnam	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	Hư hỏng, cắt gốc nhiều đoạn	

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BẮC TRUNG NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.D: 02 - C.T.H.D
CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BẮC TRUNG NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Đinh Đăng Dung

CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN GIANG
GIÁM ĐỐC

Thái Minh Cương